

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1-VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 03-12-2025

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1-VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quang Đông.

Bà Đặng Ngọc Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long.

Ngày 03 tháng 12 năm 2025 tại phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 228/2025/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Kim T năm 1983; cư trú tại: Ấp A, xã A, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Đào Huỳnh Hùng Qsinh năm 1983; cư trú tại: Số B, C, Khóm C, phường T, tỉnh Vĩnh Long(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/7/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Kim T1 bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Q đến hôn nhân là do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A(nay là Ủy ban nhân dân xã A vào ngày 08/3/2006. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên mâu thuẫn, dẫn đến cãi vã, đến năm 2012 thì chị và anh Q1 thân và không liên lạc với nhau nữa. Nay chị không còn tình cảm với anh Q2 đích hôn nhân không đạt được chị yêu cầu được ly hôn với anh ĐHuỳnh H Q

Về con chung: Chị và anh Q3 02 con chung là Đào Nguyễn Hạnh P ngày 07/9/2006 và Đào Nguyễn T2 T1sinh ngày 04/9/2010 hiện đang sinh sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là Đào Nguyễn T2 T1sinh ngày 04/9/2010 và không yêu cầu anh Q4 cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Đào Nguyễn Hạnh P ngày 07/9/2006 đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ngày 03/12/2025 bị đơn anh ĐHuỳnh H Q trình bày:

Về hôn nhân: Anh đồng ý với lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân. Anh và chị T tiến tới hôn nhân là do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A(nay là Ủy ban nhân dân xã A vào ngày 08/3/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2012 phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân cho đến nay. Hiện tại anh không còn tình cảm với chị T và đồng ý ly hôn với chị T

Về con chung: Anh và chị T4 02 con chung là Đào Nguyễn Hạnh P ngày 07/9/2006 và Đào Nguyễn T2 T1sinh ngày 04/9/2010 hiện đang sinh sống với chị. Khi ly hôn anh đồng ý giao cháu Đào Nguyễn T2 T1sinh ngày 04/9/2010 cho chị T3 dưỡng và anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Đào Nguyễn Hạnh P ngày 07/9/2006 đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn chị Nguyễn Kim T4 đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu ly hôn đối với anh ĐHuỳnh H Q. Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là Đào Nguyễn T2 T1sinh ngày 04/9/2010 và không yêu cầu anh Q4 cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Đào Nguyễn Hạnh P ngày 07/9/2006 đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh ĐHuỳnh H Q có đơn xin xét xử vắng mặt và đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Kim T5 Về con chung: Anh đồng ý giao con chung là Đào N T1sinh ngày 04/9/2010 cho chị T nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Đào Nguyễn Hạnh P ngày 07/9/2006 đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Nguyễn Kim T6 bị đơn anh ĐHuỳnh H Qcó đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T6 anh Q5 quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của chị Nguyễn Kim T5

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Kim T6 anh ĐHuỳnh H Qtiến tới hôn nhân do tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã A(nay là Ủy ban nhân dân xã A vào ngày 08/3/2006. Quá trình chung sống chị T6 anh Q6 sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, đến năm 2012 chị T6 anh Q7 ly thân không còn sống chung với nhau. Xét thấy hôn nhân giữa chị T6 anh Q7 mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T7 cầu ly hôn với anh Q8 có căn cứ và anh Q9 thống nhất ly hôn với chị T8 Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị T6 anh Q3 02 con chung là Đào Nguyễn Hạnh P ngày 07/9/2006 và Đào Nguyễn T2 T1sinh ngày 04/9/2010. Hiện con chung đang sống chung với chị T9 ly hôn chị T7 cầu được nuôi dưỡng cháu T1và không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Q9 thống nhất giao con chung cho chị T nuôi dưỡng và nguyện vọng của cháu T1là được tiếp tục sinh sống cùng với mẹ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng cháu Đào Nguyễn Hạnh P ngày 07/9/2006 đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Kim T10 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 ,83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về nội dung:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Kim T10, cho chị Nguyễn Kim T11 hôn anh ĐHuỳnh H Q11

Về con chung: Giao cháu Đào Nguyễn T2 T1 sinh ngày 04/9/2010 cho chị Nguyễn Kim T10 nuôi dưỡng. Riêng cháu Đào Nguyễn Hạnh P ngày 07/9/2006 đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu giải quyết.

Anh Q được quyền tới thăm con chung, không ai được ngăn cản. Anh Q không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của chị T5

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Kim T10 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0003431, ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TVL;
- VKSND.KV1-VL;
- Phòng THADS.KV1-VL;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hải Châu